

Bản án số: 39/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 20/8/2024

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hạ Tuấn** và ông **Đặng Viết Côi**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2024/QĐST – HNGĐ ngày 30/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T – sinh năm: 1988 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nguyên quán: xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn H – sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

Đều HKTT: Thôn Đ, xã Q, huyện Ú, TP .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, biên bản lấy lời khai chị Bùi Thị T là nguyên đơn trình bày:

Về tình cảm: Chị kết hôn với anh Đỗ Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Q, năm 2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Vài năm trở lại đây, cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do sau khi chị sinh cháu thứ 2, anh H bắt đầu phát sinh những thói hư, tật xấu, ham chơi, rượu chè. Mỗi lần chị khuyên bảo, góp ý thì anh lại mắng chị, đánh đập chị. Cuộc sống vợ chồng trong thời gian dài liên tục xảy ra những va chạm, mâu thuẫn, cãi vã như thế khiến chị rất mệt mỏi và hoang sợ. Đến tháng 11/2023 chị quyết định sống ly thân và về quê ở C, Hòa Bình sinh sống. Trong thời gian

sống ly thân, cả hai không có liên lạc gì và cũng không có ý hàn gắn tình cảm. Nay chị nhận thấy, thực sự sợ khi chung sống cùng anh H, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Toà án cho chị được ly hôn với anh H để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Thùy D – sinh ngày: 08/10/2007 và cháu Đỗ Quốc P – sinh ngày: 26/10/2012. Từ khi chị về mẹ đẻ sinh sống, hai con vẫn ở với anh H. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng để anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung. Vì hiện tại, chị không có công việc cũng như không có chỗ ở ổn định. Hiện tại, chị vẫn đang ở nhờ nhà anh trai ở C, Hòa Bình, chị không có khả năng nuôi con.

Về tài sản, công sức, công nợ chung: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Về án phí: chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai, Bị đơn anh Đỗ Văn H có quan điểm trình bày: Anh và chị T kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Q Cầu năm 2006. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian. Sau đó đến khoảng năm 2021 – 2022, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, không có cùng quan điểm sống nên thường xuyên va chạm, cãi vã. Cuộc sống không hạnh phúc nên khoảng năm 2022 chị T bỏ nhà đi và để lại 2 con cho anh nuôi. Nay chị T làm đơn xin ly hôn với anh, anh có quan điểm tùy chị T muốn làm gì thì làm anh không đồng ý ly hôn. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh chị có 02 con chung như chị T trình bày là đúng. Từ khi chị T bỏ nhà đi thì hai con ở với anh, sinh sống và học tập tại xã Q, huyện Ú, TP .. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi 02 con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công sức, công nợ chung: không có gì, không đề nghị Toà án giải quyết.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xã Q Cầu xác định: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, ngày 16/8/2006. Sau khi kết hôn, cuộc sống của anh chị hòa thuận không thấy điều tiếng gì. Theo nắm bắt tại địa phương thì thời gian gần đây, anh H và chị T xảy ra mâu thuẫn, chị T về Cao P1 sinh sống từ cuối năm 2023. Anh H và chị T sống ly thân được một thời gian tuy nhiên nguyên nhân cụ thể là gì thì địa phương

không nắm rõ. Trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Thùy D – sinh ngày: 08/10/2007 và Đỗ Quốc P – sinh ngày: 26/10/2012. Hiện cháu đang ở cùng anh H ở thôn Đ, xã Q, huyện Ú, TP .. Quan điểm của chính quyền địa phương: Về tình cảm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các bên đương sự, tình hình thực tế cuộc sống của các con đang sinh sống ổn định cùng anh H tại Quảng Phú C nên giao con cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng để các cháu được ổn định về mặt tâm lý, giáo dục, môi trường sống.

Tại phiên tòa, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên ý kiến không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Anh H vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng: Qua việc kiểm sát hồ sơ và tại phiên tòa thấy đều đúng và đầy đủ về quan hệ pháp luật, về thẩm quyền, về người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản, thời hạn chuẩn bị xét xử, đưa vụ án ra xét xử. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H. Về con chung: giao 02 con chung là cháu Đỗ Thị Thùy D – sinh ngày: 08/10/2007 và Đỗ Quốc P – sinh ngày: 26/10/2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị T. Về tài sản, công sức, công nợ chung: các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị T đã làm đơn ly hôn theo mẫu và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình bị đơn là anh Đỗ Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã Q, huyện Ú, TP . nên Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập anh Đỗ Văn H đến tòa án làm

việc theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự; quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa xét xử nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về hôn nhân: chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống chung của anh chị không hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân theo các đương sự trình bày là không hợp nhau, không có cùng quan điểm sống. Nay chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh H nên đã làm đơn xin ly hôn. Anh H có quan điểm vợ chồng mâu thuẫn nhưng anh không đồng ý ly hôn, tùy chị T muốn làm gì thì làm. Hội đồng xét xử nhận thấy: cuộc sống hôn nhân của anh H và chị T có mâu thuẫn là đúng, anh chị đã sống ly thân một thời gian theo anh H là từ năm 2022, theo chị T là từ 2023, Tuy nhiên, trong thời gian sống ly thân, cả hai đều không có ý hàn gắn tình cảm. Cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình;

[3] Về con chung: chị T và anh H có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Thùy D – sinh ngày: 08/10/2007 và Đỗ Quốc P – sinh ngày: 26/10/2012. Chị T có quan điểm giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung do chị không có điều kiện để nuôi dưỡng các con. Anh H có quan điểm xin nuôi cả hai con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án yêu cầu anh H đưa con lên Tòa làm việc nhưng anh không đưa, Tòa án có xuống địa phương làm việc về nguyện vọng của các con nhưng không gặp các cháu. Chính quyền địa phương có quan điểm giao con cho anh H nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống của các con không bị sáo trộn. Hội đồng xét xử nhận thấy: xét nguyện vọng của các đương sự, xét tình hình thực tế cuộc sống của các con, để đảm bảo việc chăm sóc cháu Thùy D và Quốc P được tốt nhất cần giao anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản, công sức và công nợ: Chị T, anh H trình bày là không có gì, không đề nghị Tòa án giải quyết; Tại phiên tòa, anh H không có quan điểm trình bày nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp sau này các đương sự có yêu cầu đề nghị thì sẽ giải quyết tại vụ án khác.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2024/ NQ-HĐTP của TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T:

1. Chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn H;

2. Về con chung: Anh H và chị T có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Thùy D – sinh ngày: 08/10/2007 và Cháu Đỗ Quốc P – sinh ngày: 26/10/2012. Sau khi ly hôn, giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Thùy D và Quốc P cho đến khi con chung trưởng thành, khoẻ mạnh hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị T cho đến khi con chung trưởng thành, khoẻ mạnh hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về quyền thăm hỏi con chung: “Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.”

“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.”

3. Về tài sản, công sức, công nợ chung: Chị T, anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp sau này, các đương sự có yêu cầu đề nghị thì sẽ giải quyết tại vụ án khác.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp tại Biên lai thu số 0011631 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh Minh